

Số: *189* /TB-UBND

TP. Bắc Kạn, ngày *16* tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất 11 lô đất khu tái định cư Đức Xuân;

Căn cứ Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND thành phố Bắc Kạn về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất 55 thửa đất trên địa bàn thành phố Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND thành phố Bắc Kạn về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 41 thửa đất trên địa bàn thành phố Bắc Kạn;

UBND thành phố Bắc Kạn thông báo việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở (ODT), cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

1.1. Tên đơn vị: Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn;

1.2. Địa chỉ: Số 168, đường Trường Chinh, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng tài sản bán đấu giá:

2.1. Tên và số lượng tài sản: Quyền sử dụng 52 thửa đất ở trên địa bàn thành phố Bắc Kạn.

- Tổng diện tích: **4.604,7 m²**.

- Khu đất được UBND thành phố đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo thiết kế chia lô khu dân cư đô thị phía Nam, khu tái định cư Đức Xuân, khu dân cư 244, khu dân cư Bệnh viện đa khoa 500 giường tỉnh Bắc Kạn và hạ tầng chung của thành phố.

2.2. Các thông số chủ yếu của tài sản: Có bảng kê chi tiết kèm theo.

3. Tổng giá khởi điểm: 45.884.427.000 đồng (Bốn mươi năm tỷ, tám trăm tám mươi tư triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết giá khởi điểm có Bảng kê kèm theo).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm các tiêu chí sau:

4.1. Cơ sở vật chất: Có trụ sở, địa chỉ rõ ràng, có trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;

4.2. Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

4.3. Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản: Là Tổ chức đấu giá được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, đã đăng ký hoạt động với Sở Tư pháp, có đầy đủ bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề đấu giá, Thẻ đấu giá viên;

4.4. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp với quy định của pháp luật;

4.5. Là tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh và có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

4.6. Hồ sơ pháp lý: Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập.

** Lưu ý: Trường hợp có nhiều đơn vị được đánh giá ngang bằng về các tiêu chí nêu trên, sẽ ưu tiên lựa chọn đơn vị đã có hợp đồng và tổ chức đấu giá thành công quyền sử dụng đất do UBND thành phố ủy quyền đấu giá.*

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

5.1. Thời gian nhận hồ sơ: 05 ngày kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (Trong giờ hành chính).

Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường Bưu điện (Hồ sơ gửi theo đường Bưu điện được tính theo dấu Bưu điện trước 17 giờ của ngày kết thúc thông báo).

5.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Kạn; Số điện thoại: 0209 3810676.

Địa chỉ: Số 168, đường Trường Chinh, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

5.3. Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ năng lực của đơn vị.

- Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đưa ra đấu giá.

UBND thành phố Bắc Kạn thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn biết và đăng ký. /s/

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- CT, PCT UBND thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;

Gửi bản giấy:

- Phòng TN&MT thành phố;
- TT Văn hóa, thể thao và truyền thông TP;
- Lưu: VT, HS (Oanh).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Diệp

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN ĐÁU GIÁ*(Kèm theo Thông báo số 189 /TB-UBND ngày 26 /11/2021**của UBND thành phố Bắc Kạn).*

TT	Số thửa	Tờ bản đồ số (BĐDC năm 2012)	Diện tích (m ²)	Loại đất	Giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	2	18	75,0	ODT	2.178.000.000	Kích thước thửa đất thể hiện chi tiết tại mảnh bản trích đo địa chính
2	47	22	88,5	ODT	2.550.570.000	
3	50	22	75,0	ODT	2.145.000.000	
4	227	23	75,0	ODT	652.500.000	
5	228	23	75,0	ODT	652.500.000	
6	229	23	75,0	ODT	652.500.000	
7	291	12	115,0	ODT	759.000.000	
8	292	12	115,0	ODT	759.000.000	
9	293	12	115,0	ODT	759.000.000	
10	294	12	115,0	ODT	759.000.000	
11	295	12	115,0	ODT	759.000.000	
12	323	17	115,0	ODT	759.000.000	
13	324	17	115,0	ODT	759.000.000	
14	325	17	115,0	ODT	759.000.000	
15	326	17	115,0	ODT	759.000.000	
16	327	17	115,0	ODT	759.000.000	
17	226	23	75,0	ODT	822.000.000	
18	334	22	154,5	ODT	1.297.800.000	
19	335	22	56,2	ODT	458.592.000	
20	282	27	75,0	ODT	502.500.000	
21	283	27	75,0	ODT	465.000.000	
22	284	27	90,0	ODT	558.000.000	
23	117	27	75,0	ODT	532.500.000	
24	101	27	75,0	ODT	510.000.000	
25	102	27	75,0	ODT	510.000.000	
26	263	22	75,0	ODT	622.500.000	

TT	Số thửa	Tờ bản đồ số (BĐDC năm 2012)	Diện tích (m ²)	Loại đất	Giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú	
27	264	22	75,0	ODT	622.500.000	Kích thước thửa đất thể hiện chi tiết tại mảnh bản trích đo địa chính	
28	265	22	75,0	ODT	622.500.000		
29	266	22	75,0	ODT	622.500.000		
30	267	22	75,0	ODT	622.500.000		
31	268	22	75,0	ODT	622.500.000		
32	170	36	75,0	ODT	621.000.000		
33	67	24	76,5	ODT	765.765.000		
34	31	9	90,0	ODT	1.310.400.000		
35	45	9	90,0	ODT	315.900.000		
36	46	9	90,0	ODT	315.900.000		
37	47	9	90,0	ODT	315.900.000		
38	48	9	90,0	ODT	315.900.000		
39	49	9	90,0	ODT	315.900.000		
40	50	9	90,0	ODT	315.900.000		
41	51	9	90,0	ODT	315.900.000		
42	265	45	75,8	ODT	1.250.700.000		
43	266	45	76,9	ODT	1.268.850.000		
44	267	45	77,9	ODT	1.285.350.000		
45	268	45	79	ODT	1.303.500.000		
46	269	45	80	ODT	1.320.000.000		
47	270	45	81,1	ODT	1.338.150.000		
48	271	45	82,1	ODT	1.354.650.000		
49	272	45	83,2	ODT	1.372.800.000		
50	273	45	84,2	ODT	1.389.300.000		
51	274	45	85,3	ODT	1.407.450.000		
52	275	45	113,5	ODT	1.872.750.000		
	Tổng cộng		4.604,7	-	45.884.427.000		